

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022.

Số: 01/BC-TST.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0101334129**
- Vốn điều lệ: **48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng chẵn.)**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: **Số 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.**
- Số điện thoại: **0243 7366 984**
- Website: **tst.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **TST**

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.

1. Việc thành lập :

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tiền thân là Trung tâm KASATY Hà Nội, là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp khoa học sản xuất thiết bị thông tin 2.
- Hoạt động chính của Trung tâm KASATY là lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học từ năm 1990. Trong năm đó, Trung tâm triển khai thực hiện các hoạt động khác như: xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học, nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học.
- Đến năm 1997, Trung tâm thực hiện tiếp các hoạt động: tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế, thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; cho thuê các sản phẩm thiết bị viễn thông.

- Theo Quyết định số 232/2000/QĐ-TCCB ngày 10/03/2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, chuyên Trung tâm KASATY Hà Nội là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước Xi nghiệp sản xuất thiết bị thông tin 2 thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST). Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông - TST trở thành Công ty Cổ phần trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT chuyên hoạt động trong các lĩnh vực Điện - Điện tử - Viễn thông - Tin học.

+ Niêm yết:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) chính thức niêm yết 4.800.000 cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Hà nội ngày 03/12/2007:

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông(TST)

+ Mã chứng khoán: TST

+ Mệnh giá giao dịch: 10.000đồng (Mười nghìn đồng)

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng chứng khoán đăng ký : 4.800.000 cổ phiếu (Bốn triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)

+ Tổng giá trị CK đăng ký : 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng)

+ Hình thức đăng ký: Ghi sổ

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) chính thức giao dịch ngày 05/12/2007.

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

+ Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp:0101334129 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2000 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 16 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 26/10/2021(thay đổi về người đại diện theo pháp luật)
Ngành nghề kinh doanh hiện nay của Công ty bao gồm:

1- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:

Đo kiểm chuyên ngành viễn thông, truyền hình (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)

+ Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;

+ Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyên giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;

+ Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động

Nhà nước cấm).

2- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình.

3- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông.

4- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.

5- Vận tải hành khách đường sắt

6- Vận tải hàng hóa đường sắt

7- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.

8- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

9- Đại lý du lịch. Chi tiết: + Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;

10- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

11- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

12- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: + Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; + Xây dựng các công trình viễn thông, điện tử, tin học;

13- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu.

Chi tiết: + chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện tử, điện, tin học.

14- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: + Quảng cáo bất động sản.

15- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: + sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học.

16- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: + Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông.

17- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: + Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học.

18- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: + Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;

19- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: + Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành;

+ Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

20- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: + Dịch vụ sự đánh giá phù hợp gồm: thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận.

21- Vận tải hành khách bằng xe buýt nội thành.

22- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: + Xây dựng các công trình điện đến 35 KV;

Xây dựng nhà cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...

+ Đập và đê

+ Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật.

23- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: + Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;

24- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý.

25- Hoạt động viễn thông có dây

Chi tiết: + Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông có dây: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận, các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông có dây. Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động trên có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Điều hành, duy trì thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn để cung cấp liên lạc giữa điểm này với điểm khác theo đường dây dẫn mặt đất, vi ba hoặc kết hợp giữa dây dẫn mặt đất và kết nối vệ tinh; Điều hành hệ thống phát bằng cáp (VD: phát dữ liệu và tín hiệu truyền hình);

Cung cấp liên lạc điện báo và vô thanh khác bằng thiết bị thuộc sở hữu của họ. Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây.

+ Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông có dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác: Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng.

26- Hoạt động viễn thông không dây

Chi tiết: + Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận, các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông không dây. Hệ thống truyền dẫn cung cấp truyền dẫn đa hướng theo sóng truyền phát trên không trung, có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Hoạt động duy trì và điều hành nhắn tin di động và mạng viễn thông không dây khác. Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông không dây.

+ Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác: Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông không dây (trừ vệ tinh) cho người sử dụng.

27- Hoạt động viễn thông khác

Chi tiết: + hoạt động của các điểm truy cập internet: Hoạt động của các đại lý internet cung cấp dịch vụ truy cập internet cho khách hàng.

+ Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu: Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh; cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet); bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ).

28- Cổng thông tin

Chi tiết: + Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng.

+ Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ.

29- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: + Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí, các dịch vụ cất xén thông tin, báo chí, vv...

30- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.

Các chi nhánh của TST:

✚ **Xí nghiệp bảo dưỡng đo kiểm**

Địa chỉ: Số 4a, 4b, 4c Phố Vương Thừa Vũ, P.Khuong Trung, Q.Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 84-4- 38 724 586
Fax : 84-4- 38 272 942
Email : tstjsc@tst.com.vn
Website : <http://www.tst.com.vn>

✚ **Xí nghiệp Xây lắp số 1**

Địa chỉ: Số 4a, 4b, 4c Phố Vương Thừa Vũ, P.Khuong Trung, Q.Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 84-4- 3736 6984
Fax : 84-4- 3568 2240
Email : tstjsc@tst.com.vn
Website : <http://www.tst.com.vn>

✚ **Chi nhánh Miền Trung**

Địa chỉ : Số 147 Cầu Giuộc, P. An Khê, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 0236 3668226 Fax: 0236 668 225
Email : tstjsc@tst.com.vn
Website : <http://www.tst.com.vn>

✚ **Chi nhánh Cần Thơ**

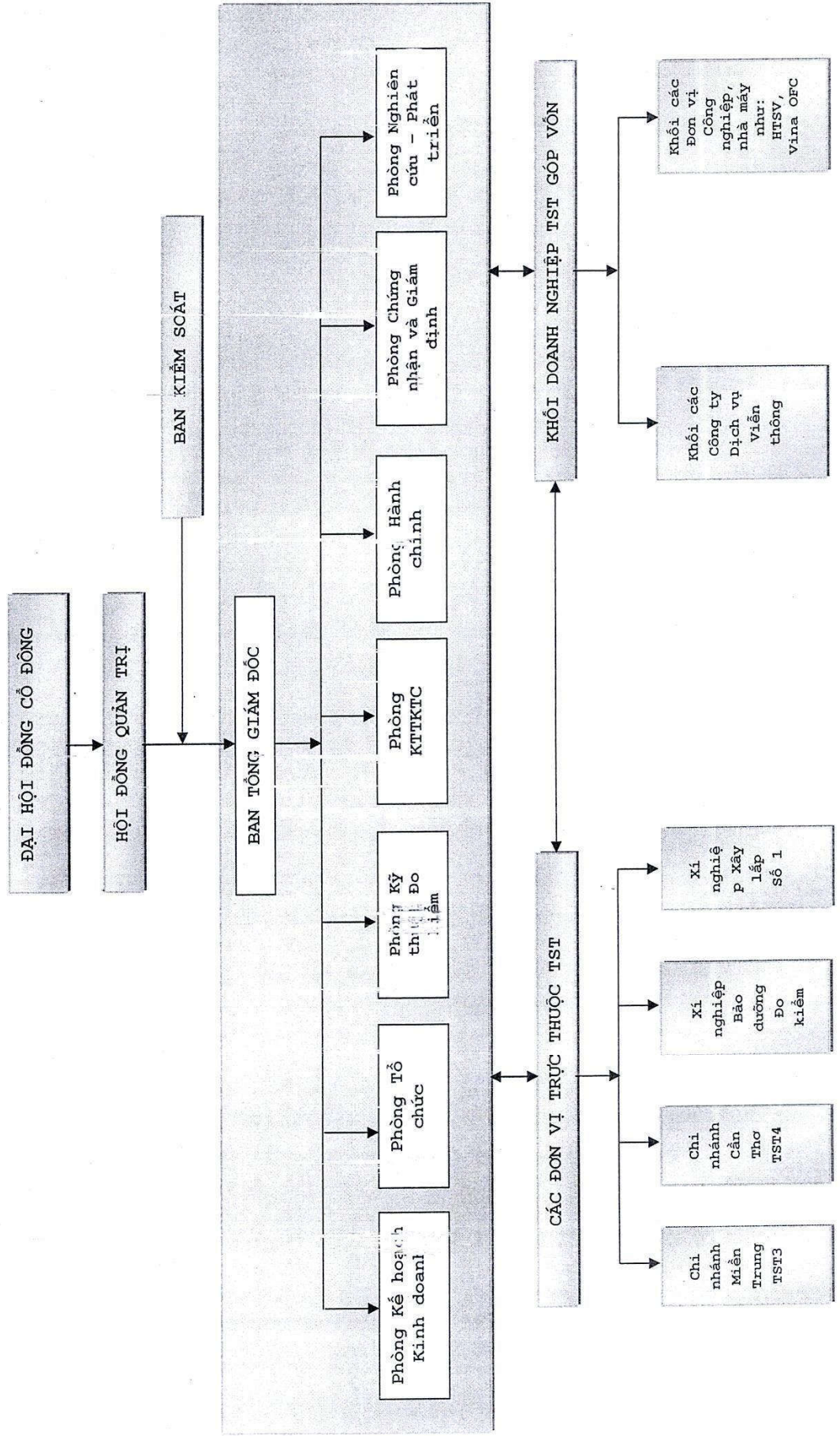
Địa chỉ : 42 Quang Trung, KĐT Phú An, P.Phú Thứ, Q.Cái Răng ,
TP.Cần Thơ, Việt Nam.
Điện thoại : 0292.3918668 Fax: 0292. 3918666
Email : tstjsc@tst.com.vn
Website : <http://www.tst.com.vn>

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị/
- Cơ cấu bộ máy quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

Danh sách những công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết:

1. Công ty cổ phần Cáp quang Việt Nam VINA – OFC

- Địa chỉ trụ sở chính: Dốc Vân, Yên Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội

- Trụ sở văn phòng Công ty: Số 1, Ngõ Núi Trúc, Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội.

- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0100113423 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 06 năm 2014, thay đổi lần thứ hai là ngày 24/09/2021;

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

+ Sản xuất cáp, sợi quang học; sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác chi tiết: sản xuất các phụ kiện thiết bị động bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị, vật tư nguyên vật liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp, điều khiển tự động;

+ Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật có liên quan; Đo kiểm các loại cáp quang, thiết bị bu chính Viễn thông; Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Bưu chính viễn thông, truyền hình.

+ Nghiên cứu chế tạo, ứng dụng, bảo trì, sửa chữa các máy móc thiết bị buộc ngành viễn thông, truyền hình, điện tử, điều khiển tự động; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: bán buôn các loại phụ kiện thiết bị động bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị, vật tư nguyên liệu chuyên ngành Viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp, điều khiển tự động.

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: kinh doanh bất động sản; Hoạt động về kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: tư vấn thiết kế mạng công trình chuyên ngành Bưu chính viễn thông, tin học;

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác chi tiết: Xây dựng mạng các công trình chuyên ngành Bưu chính viễn thông, tin học;

- Đến thời điểm 31/12/2021, số cổ phần của Công ty TST tại Công ty cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC là: 22.275.000.000 đồng chiếm 25% vốn điều lệ.

2. Danh sách những công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết:

Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 3): số 0103019669 cấp ngày 18 tháng 07 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Địa chỉ: Số 164 Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất, mua bán các thiết bị viễn thông;

+ Thi công, lắp đặt các thiết bị, chuyên ngành viễn thông;

- + Đại lý cung cấp, kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành viễn thông;
 - + Nghiên cứu và phát triển các thiết bị viễn thông theo đơn đặt hàng;
 - + Ủy thác xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thương mại, đại diện thương nhân;
 - + Kinh doanh ô tô, xe máy và các phụ tùng thay thế; Sản xuất, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị linh kiện điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và công nghiệp, tin học, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình;
 - + Tổ chức các sự kiện;
 - + Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông (các dịch vụ giá trị gia tăng trên internet, truyền hình, điện thoại di động, điện thoại cố định, dịch vụ truyền hình, truyền thanh trên internet và trên các phương tiện thông tin đại chúng);
 - + Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
 - + Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
 - + Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống mạng viễn thông, thông tin trong các công trình bưu chính Viễn thông(không bao gồm dịch vụ thiết kế mạng thông tin, bưu chính Viễn thông công trình xây dựng);
 - + Xây lắp các công trình bưu chính Viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, tin học;
 - + Sản xuất và mua bán trang thiết bị y tế, thiết bị công nghệ cao;
 - + Cho thuê các loại máy móc, thiết bị Công ty kinh doanh;
 - + Dịch vụ tư vấn, đào tạo, dạy nghề nâng cao trình độ chuyên môn trong các lĩnh vực: quản lý, công nhân, kỹ thuật viên ngành Viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện lạnh, khoa học kỹ thuật(chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
 - + Tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp giải pháp kỹ thuật chuyên môn ngành Viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện lạnh, khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, y tế(không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật).
- Vốn điều lệ: **30.272.250.000** đồng (Ba mươi tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./)
- Đến thời điểm 31/12/2021, tổng số vốn Công ty TST đã góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam là **15.300.000.000** đồng (Mười năm tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn) - chiếm 51%.

4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- + Bảo toàn vốn và tăng lợi nhuận, hàng năm chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty.
- + Nâng cao đời sống của người lao động;
- + Tái cấu trúc Công ty theo mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ phù hợp với tình hình thị trường, môi trường kinh doanh nhằm tăng sức cạnh tranh trong môi trường tự do cạnh tranh như hiện nay. Trong quá trình tái cấu trúc sẽ điều chỉnh tổ

chức bộ máy tinh gọn đầu mối và tinh giản biên chế.

a- Về tổ chức:

- Xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp sản phẩm, vật tư, phụ kiện phục vụ mạng lưới viễn thông.
- Định hướng phát triển thêm dịch vụ ngoài như: Dịch vụ đánh giá phù hợp của sản phẩm, hàng hóa gồm: thử nghiệm, kiểm định và chứng nhận; phát triển mô hình nông nghiệp thông minh (hợp tác với VNPT tech); Đo kiểm thử nghiệm pin
- Duy trì tinh thần, đoàn kết, gắn bó, thống nhất chỉ huy trong chỉ đạo, điều hành, phát huy tính năng động, sáng tạo của toàn thể CBCNV thông qua cơ chế trách nhiệm và quyền lợi.
- Chú trọng đào tạo lại lực lượng lao động hiện có để tăng cường khả năng chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, để tiến tới làm chủ được lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Thực hiện chế độ khen thưởng, động viên kịp thời với người lao động đem lại hiệu quả cao cho Công ty. Thực hiện chi thưởng, phúc lợi đầy đủ, công bằng cho CBVNV Công ty trong các ngày Lễ, Tết.
- Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ bảo hiểm khác liên quan đến người lao động trong quá trình hoạt động sxkd.

b- Về kế hoạch-kinh doanh:

- Tranh thủ sự ủng hộ của khách hàng lớn, đối tác chiến lược, khẳng định thương hiệu và từng bước mở rộng tới các thị trường khác.
- Khai thác triệt để các dịch vụ nhỏ lẻ, có hiệu quả và thu hồi vốn nhanh.

c- Về tài chính-Kế toán- Thống kê:

- Bảo toàn vốn, nâng cao hiệu quả thu hồi công nợ của khách hàng, tránh tình trạng nợ đọng vốn sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo công tác hạch toán, kế toán, chính xác đầy đủ phù hợp với quy định của luật pháp hiện hành và cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Tổng giám đốc, để có những quyết sách kịp thời.
- Giảm thiểu việc sử dụng nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vv

STT	Loại hình dịch vụ	Thành tiền
1	Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng	-242.636
2	Doanh thu bán hàng thương mại	39.530.030.500
3	Doanh thu dịch vụ sửa chữa ứng cứu	8.122.418.661
4	Doanh thu dịch vụ xây lắp	39.516.978.220
5	Doanh thu dịch vụ lắp đặt	2.045.046.199
6	Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế	0
7	Doanh thu dịch vụ tối ưu hóa	3.949.083.755
8	Doanh thu dịch vụ đo kiểm	1.177.236.017
9	Doanh thu dịch vụ khác trong đó:	750.327.273
9.1	Cho thuê Thiết bị nhà trạm viễn thông	
9.2	Cho thuê tài sản	750.327.273
9.3	Khác	
	Tổng cộng	95.090.877.989

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty TST năm 2020 so với kế hoạch 2021 và thực hiện năm 2020.

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thực hiện 2021	KH 2021	Thực hiện 2020	% với KH	% với 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	95,090,877,989	148,061,000,000	93,612,672,028	64%	102%
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	69,219,000	0%	0%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95,090,877,989	148,061,000,000	93,543,453,028	64%	102%
Giá vốn hàng bán	86,131,973,823	128,813,070,000	81,135,036,446	67%	106%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,958,904,166	19,247,930,000	12,408,416,582	47%	72%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,749,695	-	3,162,820	0%	55%
Chi phí tài chính	2,193,714,972	4,049,793,951	3,696,887,266	54%	59%
Trong đó: chi phí lãi vay	2,176,889,261	4,049,793,951	3,670,172,538	54%	59%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	80,169,203	1,063,000,000	736,222,971	8%	11%
Chi phí bán hàng	1,65,879,336	1,300,000,000	724,778,586	13%	23%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,219,495,093	9,556,886,049	7,351,450,807	65%	85%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	401,733,663	5,404,250,000	1,374,685,714	9%	34%
Thu nhập khác	-	-	3,181,818	0%	0%
Chi phí khác	671,225,847	-	1,086,555,078	0%	62%
Lợi nhuận khác	(671,225,847)	-	(1,083,373,260)	0%	62%

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(209,492,184)	5,404,250,000	291,312,454	-4%	-72%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35,983,106	868,250,000	91,594,621	4%	39%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	0%	0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(245,475,290)	4,536,000,000	199,717,833	-5%	-123%

2. Tổ chức và nhân sự.

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

* DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH:

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Xuân Hiền	1971	Tổng giám đốc	8,15%
2	Lê Anh Toàn	1979	Phó Tổng giám đốc	0%
3	Đặng Quang Trung	1976	Phó Tổng giám đốc	0%
4	Lâm Vũ Hoàng Tùng	1991	Phó Tổng giám đốc	5,22%
5	Trần Trung Hiếu	1980	Kế toán trưởng	0%

Tóm tắt sơ yếu lý lịch Ban điều hành:

1. Họ và tên :

Nguyễn Xuân Hiền

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/5/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Số CMND : 001071011795, cấp ngày 24/06/2020 tại: Cục CSQLHC về TTXH, Bộ Công An.
- Địa chỉ thường trú: Lô 3 khu C TDP số 3 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0911 335 555
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế.
- Quá trình công tác:
- + Từ T11/1992-> T6/1995: Chuyên viên kế hoạch- Cty Viễn thông Quốc Tế (VTI)
- + Từ T5/1998->T09/1999: Tập sự Cấp 1- Tập đoàn Viễn thông Telstra-Australia tại Sydney.

+ Từ T11/1998->T09/1999: Chuyên viên tổng hợp – Cty Tài chính Bưu điện.

+ Từ T10/1999-> T08/2004: Trưởng phòng kế hoạch- Trung tâm CNTT, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

+ Từ T09/2004->T07/2009: Trợ lý Phó TGD- VP Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

+ Từ T08/2009-> T04/2010: Phó Phòng kế hoạch – Cty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone

+ Từ T05/2010-> T09/2015: Phó Giám đốc- Trung tâm phát triển dịch vụ GTGT Vinaphone.

+ Từ T09/2015-> T11/2015: Tổ viên- Tổ bàn giao Tài sản từ Vinaphone cũ sang Tổng công ty Viễn thông VNPT- Vinaphone (mới)- Theo mô hình tái cơ cấu của VNPT.

+ Từ T03/2011-T07/2015: Thành viên kiêm nhiệm – Tổ chức Liên minh di động Châu Á TBD Conexus của VNPT tại Singapore.

+ Từ T01/2016-> T02/2016: Nghỉ phép - Dừng công tác tại VNPT sau khi bàn giao từ Vinaphone cũ sang Tổng Công ty Viễn thông VNPT- Vinaphone (mới).

+ Từ T02/2016-T09/2020: Phó Giám đốc phụ trách - Trung tâm chuyển giao công nghệ TTTT, VCL, Bộ TTTT.

+ Từ T10/2021 đến nay: Tổng giám đốc; Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông.

- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: **543.900 cổ phần (chiếm 11,33%)**

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 391.100 cổ phần (chiếm 8,15%)
- o Đại diện Công ty cổ phần TERANET: 152.800 cổ phần (chiếm 3,18%)
- o Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (chiếm 0%)

- Những người có liên quan:

1.Vợ: Nguyễn Thị Tố Linh: số CCCD 001177012200

2.Mẹ đẻ:Trần Thị Đa: CCCD 019146000024

3.Mẹ vợ: Nguyễn Thị Sỹ: CCCD 040150000422

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không

2) Họ và tên : **Lê Anh Toàn**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 13/5/1979

- Nơi sinh: Thanh Hoá

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Thanh Hoá

- Số CMND : 013119723, cấp ngày 20/12/2008 tại Hà nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 104 Nhà A, TT Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0909 020 982
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - Từ T3/2003 đến T3/2006: Cán bộ Kỹ thuật tại Xưởng sửa chữa ứng cứu và Xây lắp- Cty TST.
 - Từ T4/2006-> T11/2007: Phó Xưởng SC-UC-XL- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
 - Từ T12/2007 ->T8/2009: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
 - Từ T8/2009-> T8/2010: Phó giám đốc phụ trách Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị- Cty TST.
 - Từ T8/2010 -> T9/2012: Giám đốc Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị- Cty TST.
 - Từ T9/ 2012-> T6/2013 : Phó tổng Giám đốc Công ty TST, kiêm Giám Đốc- Xí nghiệp Lắp đặt Thiết bị - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.
 - T ù T6/2013 đến nay: Phó tổng Giám đốc Công ty TST, kiêm Giám Đốc- Xí nghiệp Bảo dưỡng Đo Kiểm - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
 - - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Cty TST, kiêm Giám Đốc Xí nghiệp Bảo dưỡng- Đo Kiểm - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (chiếm 0%)
 - Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0%)
 - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (chiếm 0%)
- Những người có liên quan:
 1. Bô: Lê Trọng Loan: Số CMT 171634553 cấp ngày 15/10/1995, tại Thanh Hoá; Nơi ở: 57, Lê Thánh Tông, Ngọc Giao, Phường Đông Vệ, Tp Thanh Hoá.
 2. Mẹ: Lê Thị Mai: Đã mất
 3. Anh: Lê Anh Tuấn: CMT 171746405 cấp ngày 5/9/2007, tại Thanh Hoá. Nơi ở: 57, Lê Thánh Tông, Ngọc Giao, Phường Đông Vệ, Tp Thanh Hoá.
 4. Em: Lê Anh Tùng: Nơi ở: Cộng hoà Liên bang Đức.
 5. Vợ: Trần Thu Hà: CMT 01244513 cấp ngày 29/12/2008 tại Hà Nội; Nơi ở: Phòng 104 Nhà A, TT Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.
 6. Con: Lê Hà Linh: Sinh năm 2008
 7. Con: Lê Anh Thư: Sinh năm 2013
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không

3- Họ và tên:

Đặng Quang Trung

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/09/1976
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 031076002163 Cấp ngày 26/01/2016, Nơi cấp: Cục cư trú và DLQG về dân cư.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 104 Nhà E4 TT8/3. Phường Quỳnh Mai, Q.Hai Bà Trưng- Hà Nội.
- Địa chỉ liên lạc: Phòng 104 Nhà E4 TT8/3. Phường Quỳnh Mai, Q.Hai Bà Trưng- Hà Nội - Điện thoại liên lạc: 0404 063 588
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử Viễn thông
- Quá trình công tác:
- Từ T2/2000 đến T12 năm 2002: Cán bộ kỹ thuật – Bưu điện Hải Phòng.
- Từ 01/2003 đến nay : Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng KHKD Công ty TST.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Những người có liên quan:

1. Bố : Đặng Quang Thường: Số CMT: 030336183 cấp ngày 27/12/2010 tại CA Tp Hải Phòng; Nơi ở: Thủy Nguyên Hải Phòng

2. Mẹ : Lê Thị Liên: Số CMT: 030093570 cấp ngày 11/04/2012 tại CA Tp Hải Phòng; Nơi ở: Thủy Nguyên Hải Phòng

3. Chị: Đặng Thị Liên Minh : Số CMT: 030840974 cấp ngày 01/10/2007, cấp tại CA Tp Hải Phòng. Nơi ở: Số 1 ngõ 20 Hoàng Văn Thụ. Hải Phòng.

4. Anh: Đặng Quang Đức: Số CMT 273261043 cấp ngày 03/06/2004, nơi cấp CA tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Nơi ở: 6B Yersin, Phường 7, Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

5. Em trai: Đặng Quang Thành: số CMT 031146306 cấp ngày 20/8/20007, tại CA Tp Hải Phòng. Nơi ở: Thủy Nguyên- Hải Phòng.

6 Vợ: Nguyễn Thị Thu Hiền: số CMT012845822 cấp ngày 09/05/2006, tại CA Tp Hà Nội. Nơi ở: Phòng 104 Nhà E4 TT8/3. Phường Quỳnh Mai, Q.Hai Bà Trưng- Hà Nội.

01
CỔ
CẢ
CH V
VIỆT
TH X

7. Con gái: Đặng Thị Trung Anh: SV
8. Con trai: Đặng Trung Tuấn: Học sinh lớp 11

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không

4. Họ và tên :

Lâm Vũ Hoàng Tùng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/11/1991
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Số CMND : 001091025293, cấp ngày 09/11/2018 tại: Cục CSQLHC về TTXH.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1501, Tòa nhà 29T1, Khu đô thị N05 đường Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0856 789 999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:
+ Từ năm 2015-2016: Chuyên viên - Phòng quan hệ khách hàng Doanh nghiệp- Ngân hàng TMCP Bản Việt- CN Hà Nội.
+ Từ năm 2016-2017: Tổ trưởng -Phòng quan hệ khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Bản Việt- CN Hà Nội.
+ Từ năm 2017->T06/2018: Trưởng bộ phận Quan hệ khách hàng DN lớn- Ngân hàng TMCP Bản Việt- CN Hà Nội.
+ Từ T07/2018 -> nay: Giám đốc – Công ty cổ phần Thương mại du lịch Đông Tây
+ Từ T01/2020 -> nay: Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Teranet
+ Từ T03/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc; Thành viên- HĐQT - Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông.

- Số cổ phần nắm giữ: **250.600 cổ phần (chiếm 5,22%)**

Trong đó:

- o Sở hữu cá nhân: 250.600 cổ phần (chiếm 5,22%)
o Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (chiếm 0%)

- Những người có liên quan:

1. Mẹ đẻ: Vũ Hoàng Lan: CMT 010420026
2. Vợ: Nguyễn Nguyệt Ánh: CCCD 001191024136
3. Anh rể: Vũ Việt Bảo: CCCD 001083001595

4.Chị gái: Lâm Thanh Hương: CCCD 001185016760

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không

5. Họ và tên: Trần Trung Hiếu

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/4/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011974334 Cấp ngày 17/5/2011, Nơi cấp: Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: 18 Ngô Quyền- Tràng Tiền- Hoàn Kiếm- Hà Nội.
- Địa chỉ liên lạc: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc: 0912 293 474
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2002 đến năm 2009 : Kế toán - Công ty cổ phần Thành An
 - Từ năm 2010 đến năm 2012 : Trưởng phòng kế toán - XNLD Thiết bị thuộc Cty TST.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng KTTKTC, Kế toán trưởng Công ty TST.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác:
- Số cổ phần nắm giữ:
- Những người có liên quan:
 1. Bố : Trần Trung Thắng: Nơi ở: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
 2. Mẹ : Bùi Thị Sứ: Nơi ở: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
 3. Chị: Trần Nguyệt Anh : Số CMT:cấp ngày..... , cấp tại CA Hà Nội. Nơi ở: 628 Đê La Thành- Giảng Võ, Hà Nội.
 4. Vợ: Nguyễn Thị Thu Cúc Số CMT: cấp ngày, cấp tại CA Hà Nội.Nơi ở: 17A, Ngõ 102 Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội.
 5. Con: Trần Hiếu Linh: Học sinh lớp 11
 - 6.Con: Trần Trung Thái: Học sinh lớp 6
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đến đợt niêm yết: Không
- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Hiền	1971	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/9/2021
2	Phan Sỹ Kiên	1972	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/09/2021
3	Lâm Vũ Hoàng Tùng	1991	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/3/2021

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số lượng CBCNV tại 31/12/2021 là: 103 người.

+ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp đối với người lao động.

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo và đào tạo tại chỗ và đã dành sự quan tâm thiết thực đến khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty có những tiến bộ rõ rệt theo từng năm, ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết):

+ Tình hình tài chính Công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam sxkd năm 2021 đạt DT là 39.530.030.500đ, giá vốn: 36.828.252.024đ, Lợi nhuận trước thuế: 118.939.666, LN sau thuế: 94.285.797đ.

+ Tình hình tài chính của Công ty liên kết, liên doanh: Công ty cổ phần cáp quang Việt Nam Vina – OFC sxkd năm 2021 đạt DT: 152.198.823.405đ; giá vốn: 132.132.861.467đ; Lợi nhuận trước thuế: 1.044.893.295đ; LN sau thuế 869.984.572đ.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	% tăng giảm/ %
-----------------------------------	------------------	------------------	-------------------

			change
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	281,517,289,499	286,184,388,019	1.6%
Doanh thu thuần	93,612,672,028	95,090,877,989	1.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,374,685,714	461,733,663	197.7%
Lợi nhuận trước thuế	291,312,454	(209,492,184)	239.1%
Lợi nhuận sau thuế	199,717,833	(245,475,290)	181.4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/	0%	0%	0%
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	281,517,289,499	286,184,388,019	1.6%
Doanh thu	93,612,672,028	95,090,877,989	1.6%
Thuế và các khoản phải nộp	91,594,621	35,983,106	-154.5%
Lợi nhuận trước thuế	291,312,454	(209,492,184)	239.1%
Lợi nhuận sau thuế	199,717,833	(245,475,290)	181.4%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.33	1.32	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn	0.91	0.90	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.62	0.63	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.64	1.70	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	1.13	1.18	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.33	0.33	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần .	0.2%	-0.3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.2%	-0.23%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.1%	-0.1%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần .	1%	0.5%	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
<i>1. Quy mô vốn</i>			
- Vốn điều lệ			
- Tổng tài sản có			
- Tỷ lệ an toàn vốn			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
<i>3. Khả năng thanh khoản</i>			
- Khả năng thanh toán ngay			
- Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo

trợ tại nước ngoài

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông (TST)
 - + Mã chứng khoán: TST
 - + Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng chứng khoán đăng ký : 5.000.000 cổ phiếu (Năm triệu cổ phiếu)
 - + Tổng giá trị CK đăng ký : 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
 - + Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...):
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông(TST)
 - + Mã chứng khoán: TST
 - + Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng chứng khoán đăng ký : 4.800.000 cổ phiếu (Bốn triệu tám trăm nghìn cổ phiếu)
 - + Tổng giá trị CK đăng ký : 48.000.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng)
 - + Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có):
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP DV KT Viễn thông(TST)
 - + Mã chứng khoán: TST
 - + Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng chứng khoán chưa đăng ký : 200.000 cổ phiếu (Hai trăm nghìn cổ phiếu)
 - + Tổng giá trị CK chưa đăng ký : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Pháp nhân (Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam)	1.575.000	32,81
2	Thẻ nhân và CBCNV, và cổ đông khác	3.176.500	66,18
3	Nước ngoài	48.500	1,01
Tổng		4.800.000	100

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Mã số: TST.00767)	57 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	1.575.000	15.750.000.000	32,81
2	Nguyễn Thị Tố Linh	Lô 3-Khu C-TDP số 3, Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	398.000	3.980.000.000	8,29
3	Nguyễn Xuân Hiền	Lô 03 - Khu C - TDP số 3 Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	391.100	3.911.000.000	8,15
4	Lâm Vũ Hoàng Tùng	50 Ngõ 84 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	250.600	2.506.000.000	5,22

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.. *Không có*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch. *Không có.*

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán. *Không có.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a-Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi

trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động tại ngày 31/12/2021 là: 103 người

- Thu nhập bình quân CBCNV 1 tháng/2021: 8.040.000/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Hàng năm Công ty thường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo phát triển bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Ban Tổng giám đốc điều hành, tập thể CBCNV toàn Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch sxkd năm 2021 đã đề ra trên cơ sở đánh giá đúng những thuận lợi và khó khăn thách thức đối với Công ty.

* Về thuận lợi:

- Được Tập đoàn Bru chính viễn thông chỉ đạo chặt chẽ, luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành nhiệm vụ.

- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV đoàn kết, gắn bó, quyết tâm cao vì mục tiêu phát triển ổn định lâu dài của Công ty.

- Sự tin tưởng và hỗ trợ tích cực từ các cổ đông của Công ty.

* Về khó khăn:

Năm 2021 vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19, sẽ tác động rất lớn đến tình hình sxkd của tất cả các ngành nghề trên cả nước ta, trong đó Công ty TST cũng sẽ chịu ảnh

347
T
H
H
H

hường không nhỏ. Do dịch bệnh kéo dài, diễn ra rải rác trên khắp các tỉnh thành trong cả nước như: Tp HCM và đặc biệt là Tp Hà Nội dịch bùng phát cao nhất cả nước ta, phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16, hoặc chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ; các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa, chỉ một số cửa hàng được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng....nên ảnh hưởng trực tiếp đến các đội thi công, xây lắp, lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị Viễn thông. Khó khăn về việc làm, nhu cầu dịch vụ, giá thành giảm đồng thời chi phí tăng cao khiến Công ty gặp không ít khó khăn trong việc trả lương, BHXH, thuế, đặc biệt chi phí lãi vay Ngân hàng trong năm 2021 cao gấp nhiều lần so với lợi nhuận hợp nhất trước thuế, điều này cho thấy công ty TST đã không có đủ nguồn vốn để tài trợ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của mình mà phải tiếp tục vay vốn từ ngân hàng. Do đó, thường xuyên chiếm dụng vốn dài kỳ của nhà cung cấp làm ảnh hưởng phần nào đến uy tín của Công ty.

- + Phát triển thêm dịch vụ ngoài các dịch vụ truyền thống của Công ty.
- + Chăm sóc và phục vụ khách hàng tận tình chu đáo thỏa mãn nhu cầu của khách hàng theo đúng cam kết;
- + Bám sát kế hoạch Chủ đầu tư để đưa ra quyết sách kịp thời.
- + Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường để đề ra các biện pháp đúng đắn phát triển thị trường các dịch vụ mới.
- + Tập trung vào các dịch vụ thu hồi được vốn nhanh, hiệu quả, đa dạng loại hình kinh doanh dịch vụ không ngại khó. Tận dụng triệt để mặt bằng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có.
- + Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch
TÀI SẢN NGẮN HẠN	237,732,357,695	230,554,318,464	7,178,039,231
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,453,556,014	4,099,708,444	5,353,847,570
Các khoản phải thu ngắn hạn	151,086,414,499	153,744,090,643	-2,657,676,144
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	95,119,555,174	95,664,653,861	-545,098,687
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,676,984,235	2,293,116,598	383,867,637
Phải thu ngắn hạn khác	59,267,435,048	61,763,880,142	-2,496,445,094
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-5,977,559,958	-5,977,559,958	0
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0	0
Hàng tồn kho	76,209,459,941	72,040,094,441	4,169,365,500
Hàng tồn kho	78,474,614,079	74,305,248,579	4,169,365,500

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-2,265,154,138	-2,265,154,138	0
Tài sản ngắn hạn khác	982,927,241	670,424,936	312,502,305
Chi phí trả trước ngắn hạn	0	15,372,433	-15,372,433
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	577,611,465	249,736,727	327,874,738
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	405,315,776	405,315,776	0
TÀI SẢN DÀI HẠN	48,452,030,324	50,962,971,035	-2,510,940,711
Các khoản phải thu dài hạn	65,375,000	71,995,000	-6,620,000
Phải thu dài hạn khác	65,375,000	71,995,000	-6,620,000
Tài sản cố định	28,939,454,108	30,518,727,296	-1,579,273,188
Tài sản cố định hữu hình	8,945,216,290	10,519,239,478	-1,574,023,188
<i>Nguyên giá</i>	<i>51,964,561,168</i>	<i>51,964,561,168</i>	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>-43,019,344,878</i>	<i>-41,445,321,690</i>	<i>-1,574,023,188</i>
Tài sản cố định vô hình	19,994,237,818	19,999,487,818	-5,250,000
<i>Nguyên giá</i>	<i>20,199,237,818</i>	<i>20,199,237,818</i>	0
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>-205,000,000</i>	<i>-199,750,000</i>	<i>-5,250,000</i>
Tài sản dở dang dài hạn	1,054,313,636	1,054,313,636	0
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,054,313,636	1,054,313,636	0
Đầu tư tài chính dài hạn	17,660,969,221	18,403,774,436	-742,805,215
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17,660,389,511	18,403,194,726	-742,805,215
Tài sản dài hạn khác	731,918,359	914,160,667	-182,242,308
Chi phí trả trước dài hạn	731,918,359	914,160,667	-182,242,308

+ Tổng biến động tài sản năm 2021 tăng 4.667.098.520 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 7,178,039,231 đồng, tài sản dài hạn biến động giảm -2.510.940.711 đồng nguyên nhân chủ yếu là do:

Trong tài sản ngắn hạn thì tài sản bằng tiền và tương đương tiền tăng 5.353.847.570 đồng và tăng chủ yếu ở tài khoản ngân hàng.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn giảm -2.657.676.144 đồng chủ yếu là do các khoản mục như: phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm -545,098,687 đồng do trong năm 2021 TST đã thu được ít khoản tiền bán hàng hơn so với năm 2020, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 383.867.637 đồng đây là những khoản tăng có liên quan đến việc đặt hàng mua đầu vào từ các nhà cung cấp của TST, khoản phải thu ngắn hạn khác tăng 2.496.445.094 đồng, khoản mục này tăng chủ yếu là do tăng từ tạm ứng cho nhân viên đi công trình

+ Khoản mục hàng tồn kho trong năm 2021 tăng 4.169.365.500 đồng chủ yếu là tăng ở chỉ tiêu sản phẩm dở dang, nguyên nhân là do năm 2021 vẫn còn nhiều công trình chưa quyết toán, xuất hóa đơn cho khách hàng nên các chi phí công trình bị tồn đọng ở chỉ tiêu sản phẩm dở dang.

+ Tài sản ngắn hạn khác tăng 312.502.305 đồng chủ yếu do thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tăng 327.874.738 đồng.

Tài sản dài hạn năm 2021 biến động giảm -2510.940.711 đồng chủ yếu là do:

+ Tài sản cố định giảm -1,579,273,188 đồng do khoản mục khấu hao TSCĐ hữu hình tăng

1.574.023.188 đồng và khoản mục khấu hao TSCĐ vô hình tăng 5.250.000 đồng (đều ghi bên có của TSCĐ).

+ Đầu tư tài chính dài hạn giảm -742.805.215 đồng tương ứng khoản cổ tức công ty liên doanh, liên kết – công ty Vina OFC đã thanh toán bằng tiền cho công ty TST trong năm 2021.

Tài sản dài hạn khác giảm -182.242.308 đồng chủ yếu là ở khoản mục chi phí trả trước dài hạn, đây chủ yếu là các khoản chi phí bảo hiểm, thuê kho bãi và thuê địa điểm cho chi nhánh

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch
NỢ PHẢI TRẢ	180,200,268,551	175,287,694,741	4,912,573,810
Nợ ngắn hạn	180,080,268,551	174,606,713,579	5,473,554,972
Phải trả người bán ngắn hạn	88,622,174,275	75,895,031,929	12,727,142,346
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	268,829,000	1,971,901,741	-1,703,072,741
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2,804,545,848	4,586,450,364	-1,781,904,516
Phải trả người lao động	1,334,051,127	1,199,260,471	134,790,656
Chi phí phải trả ngắn hạn	11,174,394,140	15,043,327,088	-3,868,932,948
Doanh thu chưa thực hiện			0
Phải trả ngắn hạn khác	32,931,372,095	37,552,001,994	-4,620,629,899
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	42,944,902,066	38,358,739,992	4,586,162,074
Dự phòng phải trả ngắn hạn			0
Nợ dài hạn	120,000,000	680,981,162	-560,981,162
Phải trả dài hạn khác	120,000,000	120,000,000	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	560,981,162	-560,981,162

- Khoản mục Nợ phải trả năm 2021 tăng 4.912.573.810 đồng trong đó Nợ ngắn hạn tăng 5.473.554.972 đồng và Nợ dài hạn giảm -560.981.162 đồng do những nguyên nhân sau:

Nợ ngắn hạn năm 2021 5.473.554.972 đồng chủ yếu là do các chỉ tiêu phải trả người bán ngắn hạn tăng 12.727.142.346 đồng, do công ty TST tiếp tục mua từ các nhà cung cấp các khoản vật tư đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm -1.703.072.741 đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm -1,781,904,516 đồng do trong năm 2021 TST đã thanh toán các khoản nộp nhà nước, phải trả người lao động tăng 134,790,656 đồng, đây là một số khoản muoc trả cho CBCNF tại các chi nhánh, sẽ được xử lý vào đầu tháng 1 năm 2022, chi phí phải trả ngắn hạn giảm -3.868.932.948 đồng do giảm từ những khoản trích trước giá vốn năm 2020, phải trả ngắn hạn khác giảm -4,620,629,899 đồng, chủ yếu là xử lý các khoản phải trả CB CNV của TST đi thực hiện công trình và các khoản phải trả KPCĐ, HBXH, HBYT... cho CBCNV của TST trong năm 2020, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 4,586,162,074 đồng do TST đã phải vay thêm các khoản vay ngân hàng ngắn hạn để phục vụ sản xuất trong năm 2021.

Nợ dài hạn năm 2021 giảm -560.981.162 đồng chủ yếu là do trong năm 2020 do đã đến kỳ hạn nên một số khoản vay ngân hàng ngắn hạn được cơ cấu sang các khoản vay ngân hàng dài hạn, TST đã thanh toán các khoản vay này trong năm 2021.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Về cơ bản trong năm 2021 tại công ty không có phát sinh nợ xấu, cũng trong năm này TST đã không tiến hành trích dự phòng cho khoản nợ khó đòi nào.

Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, trong năm 2021 TST không bán hàng cho khách hàng nước ngoài để thu về ngoại tệ và cũng không nhập khẩu nhiều vật tư, hàng hóa từ nước ngoài nên tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng gì đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của công ty TST.

Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay, trong năm 2021 chi phí tài chính của TST là 2.193.714.972 đồng trong đó chi phí tiền lãi vay là 2.176.889.261 đồng, trong năm 2020 chi phí tài chính của TST là 3.696.887.266 đồng trong đó chi phí tiền lãi vay là 3.670.172.538 đồng, như vậy có thể thấy trong năm 2021 TST tăng được tổng doanh thu lên 1,5% so với năm trước nhưng chi phí lãi vay lại giảm được tới -41% so với năm 2020, như vậy có thể thấy TST đã cố gắng nỗ lực để giảm chi phí lãi vay và tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Kết quả giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc điều hành:

Hội đồng quản trị Công ty TST với vai trò trách nhiệm là đại diện Đại hội đồng cổ đông trong công tác quản lý hoạt động sxkd của Công ty, đã tập trung giám sát, chỉ đạo thực hiện các giải pháp đã đặt ra, nhằm đảm bảo, duy trì và phát triển hoạt động sxkd, với mục tiêu kế hoạch sxkd năm 2021 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông đề ra, cụ thể như sau:

Bằng sự quyết tâm, uy tín của các thành viên HĐQT và ban Lãnh đạo Công ty nỗ lực hết mình để tháo gỡ những khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 cụ thể là:

- Do thủ tục bàn giao công tác điều hành chưa được thực hiện
- Uy tín của Công ty bị tổn hại nặng nề
- Lực lượng kỹ thuật chưa được tiếp cận các dịch vụ mới nên vừa triển khai vừa đào tạo lao động hiện có.
- Dòng tiền còn hạn hẹp; và xử lý các khoản công nợ với các nhà cung cấp như ZTE, Rhode Swatch...

Hiện tại, Công ty đã vượt qua được khủng hoảng về tài chính đầu năm 2021

- + Dẫn lấy lại thị phần, triển khai các dự án của Mobifone và VNPT Net
- + Tình hình Công ty đã dần khởi sắc
- + Công ty cố gắng phấn đấu hoàn thành các khoản nợ BHXH, thuế, các khoản công nợ đối tác, nhà cung cấp ZTE, Rhode Swatch... nhằm lấy lại uy tín của Công ty và niềm tin của khách hàng.

Doanh thu theo kế hoạch năm 2021 là: 148.061.000.000; thực hiện trong năm 2021 là: 95.090.877.989 đ chiếm 64,2%. Tổng lợi nhuận sau thuế theo KH 2021 là: 4.536.000.000đ; Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2021 là: -245.475.290đ chiếm -5,4%.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tăng cường công tác quản lý, định hướng hoạt động sxkd, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

- **Mục tiêu kinh doanh cho năm 2022 và các năm tiếp theo:**

- + Tăng trưởng đều doanh thu dịch vụ viễn thông truyền thống như: Lắp đặt, đo kiểm, xây lắp của Công ty.
- + Tập trung dịch vụ GTGT, nội dung số.
- + Duy trì thị trường Mobifone, VNPT đặc biệt là tập trung VNPT như VNPT Net, VNPT Hà Nội, VNPT tp HCM....
- + Tham gia chuỗi các dịch vụ, sản phẩm thương mại của VNPT.
- + Chú trọng hình ảnh thương hiệu Công ty, định hình lại thương hiệu của Công ty.
- + Sắp xếp lại lao động Công ty sao cho hiệu quả, đáp ứng nhu cầu công việc.
- + Chú trọng đào tạo lực lượng lao động hiện có để tăng cường khả năng chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, công nhân.
- + IT hóa trong công tác quản lý tại Công ty như nhân sự, tiền lương, dòng công việc và quản lý các dự án.
- Chuẩn bị các nguồn lực để sẵn sàng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh;
- Tư vấn và định hướng chiến lược cho Ban Tổng giám đốc trong tổ chức Công ty, hoạt động đầu tư, huy động vốn...
- Có kế hoạch cụ thể về việc thu hồi công nợ, tập trung vào các dịch vụ thu hồi vốn

nhanh, hiệu quả, đa dạng. Giảm thiểu tối đa việc sử dụng nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng.

- Đảm bảo công tác hạch toán, kế toán chính xác, đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc, để có những quyết sách kịp thời...

- HĐQT định hướng và tích cực triển khai nhiều hoạt động sxkd phù hợp với điều kiện thực tế để hoàn thành kế hoạch sxkd năm. Bảo toàn vốn doanh nghiệp, chỉ tiêu lợi nhuận hợp lý, giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, ổn định việc làm, đảm bảo đời sống CBCNV...

+ Công tác bảo toàn và phát triển vốn:

Chỉ đạo lãnh đạo đối với công việc bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ, công tác hạch toán kế toán chính xác, đầy đủ đúng quy định của Pháp luật và cung cấp thông tin kịp thời cho HĐQT để có quyết sách kịp thời. Giảm thiểu việc sử dụng tín dụng của Ngân hàng.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	19,69%	T/v không điều hành
2	Nguyễn Xuân Hiền	Phó CT. H ĐQT	8,15%	T/v điều hành
3	Phạm Trần Hòa	Ủy viên HĐQT	13,12%	T/v không điều hành
4	Nguyễn Văn Đán	Ủy viên HĐQT	1,05%	T/v không điều hành
5	Lâm Vũ Hoàng Tùng	Ủy viên HĐQT	5,22%	T/v điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban). Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

- HĐQT đã triệu tập các phiên họp, ban hành các nghị quyết, quyết định và một số văn bản xin ý kiến các thành viên HĐQT để kịp thời đề ra các chủ trương giải pháp, chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty phù hợp với điều kiện hoàn thành kế hoạch sxkd năm 2021, cụ thể:

- Phiên họp ngày 04/02/2021: Họp HĐQT về tình hình tài chính đến 01/02/2021; Đơn ứng

cử chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng và các nội dung khác.

- Phiên họp ngày 04/02/2021: Họp HĐQT về phân công ông Lê Anh Toàn thay mặt ông Phan Sỹ Kiên: Quyết định, lập, ký kết các hợp đồng, các giấy tờ liên quan và tiến hành các thủ tục thực hiện phương án vay vốn, phát hành bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng, UNC, thanh toán với nhà cung cấp.
- Phiên họp ngày 04/02/2021: Họp HĐQT về phân công ông Đặng Quang Trung thay mặt ông Phan Sỹ Kiên: Quyết định, lập, ký kết các hợp đồng, các giấy tờ liên quan và tiến hành các thủ tục thực hiện phương án vay vốn, phát hành bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng, UNC, thanh toán với nhà cung cấp.
- Phiên họp ngày 05/02/2021: Họp HĐQT về nội dung: Vinacap cấp cho TST hạn mức cấp chưa trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao nhận cấp.
- Phiên họp ngày 25/02/2021: Họp HĐQT về tình hình tài chính đến ngày 22/02/2021; Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng; Ông Nguyễn Xuân Hiền cho Công ty vay từ nguồn tài chính cá nhân.
- Phiên họp ngày 29/03/2021: Họp HĐQT về thế chấp tài sản tại Ngân hàng quân đội MB-CN Ba Đình. (Bất động sản tại số 4A)
- Phiên họp ngày 13/04/2021: Họp HĐQT về phương án giải quyết các vấn đề tồn đọng theo văn bản kiến nghị ngày 08/04/2021 của Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng; Kết quả sxkd năm 2020 và kế hoạch sxkd năm 2021; kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021; Báo cáo BKS năm 2020; Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
- Phiên họp ngày 14/04/2021: Họp HĐQT về khoản nợ đến hạn Ngân hàng MB, ông Lâm Vũ Hoàng Tùng cho Công ty vay từ nguồn tài chính cá nhân.
- Phiên họp ngày 09/07/2021: + Các khoản thanh toán chưa thực hiện hợp đồng TST-ZTE Hk (Việt Nam) và ZTE Corporation.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2021.
- Phiên họp ngày 28/07/2021: Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020
- Phiên họp ngày 16/09/2021: + Thay đổi nhân sự làm người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty TST.
 - + Bổ sung nội dung vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.
- Phiên họp ngày 27/09/2021: Gia hạn các khoản nợ đến hạn đối với các khoản vay NH để thi công các công trình của Trung tâm mạng lưới Mobifone Niềm Nam- Tổng công ty Viễn thông Mobifone.
- Phiên họp ngày 29/9/2021: + Báo cáo hoạt động sxkd 9 tháng đầu năm 2021 và dự kiến cả năm 2021.
 - + Chiến lược kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo
 - + Phương án xử lý việc Trọng tài Quốc tế triệu tập Công ty TST về công nợ giữa Cty

TST và ZTE HK (Việt Nam) và ZTE corporation.

- Phiên họp ngày 29/11/2021: Vay vốn phát hành Bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng tại NHTMCP Quân Đội- Chi nhánh Ba Đình

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp). Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm. Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

- Danh sách ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần Cổ phần biểu quyết	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Quân	Tr. Ban K/soát	0%	T/v không điều hành
2	Phan Thị Phương Dung	Ủy viên BKS	0%	T/v điều hành
3	Phạm Nhật Quang	Ủy viên BKS	0%	T/v không điều hành

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Các công tác đã thực hiện năm 2021:

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự một số buổi họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty năm 2021, cụ thể:

- + Kiểm tra các báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm 2021.
- + Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi trình Hội đồng quản trị chấp thuận.
- + Tham gia ý kiến về một số nội dung thảo luận tại các phiên họp Hội đồng quản trị được tham dự.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo ý kiến của Ban kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Công ty.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc điều hành Công ty:

- Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sxkd.

Năm 2021 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức và dự báo năm sau cũng chưa có khả quan, tổng doanh thu của đơn vị năm 2021 tăng nhẹ 2% so với năm 2020 nhưng lợi nhuận sau thuế giảm tới -5,4%KII và doanh thu Công ty chưa hoàn thành kế hoạch (đạt 64,2% KH). Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	TH/KH 2021	TH 2021/TH 2020
1. Tổng doanh thu	95.090.877	148.061.000	93.612.028	64,2%	102%
2. Tổng lợi nhuận sau thuế	-245.475	4.536.000	199.717	-5,4%	-123%

- Về công tác tài chính:

Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021:

Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty mẹ và hợp nhất được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Do Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh không có báo cáo kết quả SXKD, không có hồ sơ và chứng từ tài chính. Vì vậy, vấn đề này cũng như báo cáo của Ban Kiểm soát các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và trong báo cáo của năm 2021. Ban Kiểm soát cũng vẫn bảo lưu ý kiến không thể kiểm tra được tính trung thực và hợp lý về số liệu của Chi nhánh này trong các Báo cáo tài chính Công ty.

Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có các biện pháp kiên quyết, tích cực, mạnh mẽ hơn, phối hợp tốt với các cơ quan thực thi Pháp luật, các cơ quan hữu quan xử lý dứt điểm các hậu quả tồn đọng trong việc giải thể Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là công nợ, tài sản, hồ sơ chứng từ, báo cáo tài chính. Để trong thời gian sớm nhất có thể giải thể được Chi nhánh này. Vấn đề này đã được Ban Kiểm soát nêu trong báo cáo năm 2015, 2016, 2017, 2019, 2020 và 2021 đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty lưu tâm.

Thông tin về vụ kiện: Ngày 30/12/2021, Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đã ra phán quyết cuối cùng số 22/21 liên quan đến vụ tranh chấp giữa ZTE HK (Việt Nam) và Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Viễn thông.

Tổng số tiền Công ty phải trả ZTE theo phán quyết của VIAC là: 23.918.402.588VND. Trong đó, Công ty đang ghi nhận trên TK 331 là: 17.618.728.908đ, số còn lại chưa ghi nhận: 6.299.673.681đ (bao gồm: chi phí chậm thanh toán, chi phí pháp lý và chi phí trọng tài)

Ngày 15/02/2022, Công ty đã gửi công văn cho ZTE đàm phán về tiến độ thanh toán số nợ gốc trong vòng 22 tháng và đề nghị được miễn thanh toán phần lãi chậm trả cũng như các chi phí khác. Đến nay, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của ZTE.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Các khoản lương, thưởng của thành viên HĐQT, BKS là: 1.163.346.973đ

- Thù lao HĐQT và BKS năm 2021: 0đ

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên). Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

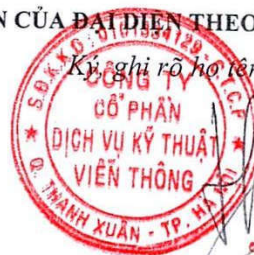
1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: PKTTKTC



Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) ✓

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Kiên³³